TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI C NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2018/HS-ST
Ngày: 23-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI C NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - C tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tố**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông **Trịnh N Thành**, Chuyên viên Phòng Văn hóa thông tin huyện T;

Bà **Nguyễn Thị Nhung**, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện T (Nguyên là giáo viên).

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện T, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn D** - sinh năm 1999, tại Đ;

Nơi cư trú: Ấp Phú Tân, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 và bà Trần Thị P, sinh năm 1975; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có sáu người con; chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 21/11/2017, bị Công an xã Phú B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau, đã chấp hành xong ngày 28/12/2017. Bị tạm giam từ ngày 16/8/2018.

2. **Nguyễn Thế C** - sinh ngày 06/5/2001, tại Đ;

Nơi cư trú: Ấp Phú Tân, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 và bà Trần Thị P, sinh năm 1975; bị cáo là con thứ năm trong gia đình có 06 anh em; chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 08/01/2018, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000đ về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác, đã chấp hành xong

ngày 08/01/2018. Bị tạm giữ từ ngày 16/8/2018, đến ngày 22/8/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay.

(Các bị cáo có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo C:* Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1970 và bà **Trần Thị P**, sinh năm 1975 (cha mẹ ruột của bị cáo); cùng địa chỉ: Ấp Phú Tân, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo C:* Ông **Đào D T**, Luật sư của Văn phòng Luật sư Đào D T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- *Người bị hại:* Anh **Nguyễn Châu S**, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp Phú Thành, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Trịnh Minh H**, sinh ngày 11/7/2003 (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của anh H:* Ông **Trịnh Quốc D**, sinh năm 1975 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Ấp Phú Tân, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ (Bà H có mặt, ông D vắng mặt).

2. Anh **Bùi Đức T**, sinh ngày 11/01/2003 (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của anh T:* Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1978 và ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: Ấp Phú Cường, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn D**, sinh ngày 22/01/2000; địa chỉ: Ấp Phú hợp A, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

2. Anh **Nguyễn Công D**, sinh ngày 15/11/2000; địa chỉ: Ấp Phú Hợp A, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

3. Anh **Nguyễn Kim N**, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp Phú Hợp A, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

4. Anh **Phạm Văn Q**, sinh ngày 08/01/2003 (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của anh Q:* Ông **Phạm Văn V**, sinh năm 1972 và bà **Nguyễn Thị Vân A**, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Ấp Phú Tân, xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D và Nguyễn Thế C là anh em ruột, vào tối ngày 15/8/2018, tại ấp Phú Tân, xã Phú B, khi D đang nói chuyện với nhóm bạn gồm anh Nguyễn Châu S, anh Nguyễn Kim N, anh Nguyễn Công D, Bùi Đức T, sinh ngày 11/01/2003 và

Nguyễn D thì giữa D và S xảy ra mâu thuẫn về việc đánh bida trước đó, dẫn đến cự cãi và xô xát, anh S dùng tay đánh D trước, sau đó D cũng dùng tay đánh lại, được bạn bè can ngăn nên D cùng T bỏ về nhà. Do bực tức về việc bị S đánh trước đó nên D nói với Bùi Đức T đi gọi C, T đồng ý, nhưng T không trực tiếp đi mà nhờ một thiếu niên (không rõ họ tên lai lịch) gọi C. Lúc này C đang ngồi uống rượu với bạn, trong đó có Trịnh Minh H, sinh ngày 11/7/2003, khi nghe D bị đánh thì C liền lấy xe mô tô chở theo Trịnh Minh H về nhà H lấy một con dao và một cái búa ra chỗ D đang đứng đợi, tại đây D nói với cả bọn: 'Để thằng H và thằng C đi được rồi, đi tìm thằng S đánh nó, tao với nó mới đánh nhau trong đó", D còn nói thêm: "Vô gặp thằng S tụi bay chém đầu ngược thôi chứ đừng chém đầu bén, tao không muốn nó bị thương nặng, chỉ đánh hù dọa nó thôi". Sau đó, H dùng xe mô tô chở C đi tìm anh S. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi thấy anh S đang đứng nói chuyện với nhóm bạn ở trước nhà của Nguyễn D ở ấp Phú Tân, xã Phú B, H dừng xe lại, cầm dao xông vào chém anh S trúng 01 cái vào tay, anh S chạy được vài bước thì ngã xuống đường, H tiếp tục dùng dao chém trúng vào chân của anh S, C dùng búa đánh 01 cái vào lưng của anh S, anh S tiếp tục bỏ chạy nhưng bị ngã vào bụi cây, C dùng búa đánh 01 cái vào bụng, H dùng dao chém nhiều nhát vào người S, được bạn của anh S can ngăn nên C và Trịnh Minh H bỏ đi, anh S được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0665/GĐPY/2018 của T tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Đ xác định thương tích của anh Nguyễn Châu S như sau:

Tổn thương gãy lồi cầu trong xương tay trái (áp dụng Chương 8, Điều I, Mục 8.3). Tỷ lệ: 05%. Tổn thương mẻ xương trụ trái (áp Chương 8, Điều I, Mục 8.4). Tỷ lệ 01%. Vết thương chẩm pH kích thước 01 x 0,3m, vết thương cánh tay trái đến khuỷu tay trái kích thước 5,5 x 0,3cm, vết thương cẳng tay pH kích thước 05 x 0,3cm, 02 vết thương cẳng chân trái kích thước 13 x 0,3cm và 10 x 0,3cm, vết thương mất da nông gan bàn chân trái hình tròn, đường kính 2,5cm (áp dụng chương 9, Điều I, Mục 2). Tỷ lệ 07%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể (áp dụng theo P pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 13% (Mười ba phần trăm). Kết luận khác: Chân thương do vật tày; thương tích cẳng tay trái, cẳng tay pH, cẳng chân trái và bàn chân trái do vật sắc.

Ngoài ra tại Kết luận giám định đề nghị trưng cầu giám định bổ sung để đánh giá chức năng khuỷu tay trái và cổ chân trái khi bệnh nhân đã điều trị ổn định. Quá trình làm việc với bị hại, ngày 15/10/2018, bị hại Nguyễn Châu S có đơn từ chối giám định bổ sung nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung theo đề nghị của T tâm pháp y tỉnh Đ.

Tại bản cáo trạng số 89/CT-VKSTP-ĐN ngày 06/11/2018 của Viện kiểm sát nhân D huyện T, truy tố bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thế C về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2, điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát công bố bản luận tội với nội dung giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 2015; riêng bị cáo D đề nghị áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo D mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo C mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm D sự: Giữa các bị cáo, gia đình bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại, bị hại không bổ sung yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và quyết định về án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế C thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt của bị cáo C, không tranh luận, đối đáp.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã mô tả, không tham gia tranh luận.

Ý kiến của bị hại Nguyễn Châu S: Anh S xác định, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh và bị cáo C là do việc đánh bida trước đó, hai bên có cự cãi nhau, anh có dùng tay đánh bị cáo D trước, sau đó bị cáo D cũng đánh lại, được bạn bè can ngăn nên D cùng với T bỏ đi. Đến khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 15/8/2018, khi anh đang đứng nói chuyện với nhóm bạn trước cổng nhà anh Nguyễn D thì bị cáo C và Trịnh Minh H chạy xe mô tô đến, H dùng dao, C dùng búa rìu đánh, chém gây thương tích cho anh. Thương tích của anh C yếu do Trịnh Minh H dùng dao chém gây nên, ngoài H và C không còn ai gây thương tích cho anh, hiện nay thương tích trên cơ thể anh chưa hoàn toàn B phục (chưa mổ lấy vít). Anh S thừa nhận, đã nhận số tiền bồi thường tổng cộng là 34.500.000đ từ gia đình các bị cáo, anh không có yêu cầu gì khác về vấn đề bồi thường thiệt hại. Đối với trách nhiệm hình sự, anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo vì theo anh, các bị cáo đã thật sự ăn năn, hối cải.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Minh H: Trước thời điểm xảy ra vụ án, khi đó anh và Nguyễn Thế C đang ngồi nH cùng nhóm bạn thì có một người đến báo là anh ruột của C là D bị anh S đánh nên anh đi cùng với C đến chỗ D, H về nhà lấy một cái búa rìu và một con dao, H cầm một con dao, còn C cầm một cái búa rìu. Khi đến chỗ anh D, D nói anh và C đi tìm S để đánh trả thù, anh và C đồng ý. Anh thừa nhận, trực tiếp dùng dao chém vào tay và chân của anh S vào đêm ngày 15/8/2018, đúng như anh S đã khai, anh H nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, anh cam kết sẽ không tái phạm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đức T: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Đức T cũng thừa nhận, khi D nhờ đi gọi C để tìm anh S đánh trả thù, T có đồng ý nhưng không trực tiếp đi mà có nhờ một người thiếu niên khác (không rõ nhân thân, lai lịch) đi gọi C. Anh T nhận thức được hành vi của anh là giúp sức cho các bị cáo thực hiện tội phạm, là hành vi vi phạm pháp luật.

Ý kiến của đại diện hợp pháp của anh H (bà H): Sự việc xảy ra, bản thân bà cũng có một phần thiếu sót trong việc dạy dỗ, giáo dục con. Bà cam kết sẽ quan tâm và dạy dỗ con tốt hơn, không để H tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật.

Ý kiến của những người làm chứng gồm các anh D, D, N, Q: Những người làm chứng đều xác định, người trực tiếp gây thương tích cho anh S là bị cáo C và Trịnh Minh H. Nguyên nhân xuất phát từ việc trước đó, giữa S và D mâu thuẫn nhau, sau đó hai bên cự cãi, S dùng tay đấm D trước một cái, sau đó D đánh trả, được mọi người can ngăn nên D và T bỏ đi. Đến 23 giờ 30 phút, ngày 15/8/2018, Trịnh Minh H và bị cáo C đến địa điểm trước nhà của anh D, có mặt bị hại S. Tại đây, H dùng dao chém nhiều nhát vào tay và chân anh S, C dùng búa đánh vào bụng và lưng của anh S. Sau khi gây án thì C và H dùng xe mô tô bỏ chạy, còn anh D và anh D đưa bị hại đi cấp cứu. Theo những người làm chứng thì H và C là do D gọi đến, mục đích để đánh S trả thù.

Các bị cáo nói lời sau cùng như sau: Các bị cáo cảm thấy ân hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân D huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo C, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Từ lời khai nhận tội của các bị cáo, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Hội đồng xét xử xác định được diễn biến hành vi của các bị cáo thực hiện như sau: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 15/8/2018, xuất phát từ mâu thuẫn sau khi tham gia trò chơi đánh bida giữa bị cáo D và bị hại S, hai bên xảy ra tranh cãi, S dùng tay đánh D một cái, D đánh trả lại. Sự việc sau đó được nhóm bạn khuyên can nên D và T bỏ đi. Tức giận về việc bị S đánh trước, D nói với T đi gọi em ruột của mình là Nguyễn Văn C, để đánh trả thù. T nhờ một người (không rõ nhân thân, lai lịch) đi gọi C. Nghe việc anh mình bị đánh, C lúc này đang ngồi nH cùng với H, rủ H đi cùng, H ghé về nhà của mình, lấy một con dao, đưa cho C cầm một cái búa rìu đến nơi D đang đứng đợi. Tại đây D nói C và H đi tìm S đánh trả thù cho D, C và H đồng ý. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, D và C sử dụng xe mô tô đi tìm S, khi chạy đến trước nhà anh Nguyễn D, phát hiện S có mặt tại đây, H dừng xe, đi xuống dùng dao chém vào chân, tay của

anh S, C dùng búa rìu đánh vào bụng, lưng của anh S, gây thương tích cho anh S với tỷ lệ tổn thương cơ thể được xác định là 13%.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu hồi được, phù hợp với thương tích để lại trên người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Cố ý gây thương tích", tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự.

[4] Về khung hình phạt: Đối với bị cáo C sử búa rìu (cùng với Trịnh Minh H, sinh ngày 11/7/2013 sử dụng dao) là "hung khí nguy hiểm", gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13% tạm thời, đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt theo điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

"2. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: (.....) đ) Gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này"

Điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Hùng khí nguy hiểm...;"

[5] Đối với bị cáo D, mặc dù không trực tiếp tham gia gây thương tích cho bị hại nhưng là người khởi xướng, xúi giục bị cáo C và H. Do đó D tham gia trong vụ án này với vai trò đồng phạm. Từ những nhận định nêu trên, khẳng định được Cáo trạng số 89/CT-VKSTP-ĐN ngày 06/11/2018 của Viện kiểm sát nhân D huyện T, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến tính mạng sức khỏe của công D được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội tại địa P. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và H quả của hành vi của các bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D là người đủ 18 tuổi, khởi xướng, xúi giục bị cáo C là người dưới 18 tuổi phạm tội nên pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện hợp pháp của bị cáo C, đồng thời là gia đình của bị cáo D đã bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo có khó khăn, được chính quyền địa P xác nhận. Trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi, trong lúc tức giận, không kiềm chế được bản thân đã dùng tay đánh bị cáo D trước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho các bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

[9] Về tính chất đồng phạm: Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để phân hóa hình phạt đối với các bị cáo. Cụ thể, bị cáo C cùng với Trịnh Minh H là người trực tiếp gây thương tích bị hại S. Bị cáo D mặc dù không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng là người khởi xướng, xúi giục bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội.

[10] Về các căn cứ khác để quyết định hình phạt: các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định. Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội, bị cáo C 17 tuổi 03 tháng 09 ngày, là người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo C cần áp dụng Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, mức hình phạt tù cao nhất đối với bị cáo không được quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

[11] Bị cáo C là người dưới 18 tuổi phạm tội, tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật hình sự quy định: *"Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội pH bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và C yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công D có ích cho xã hội"*, bị cáo bị người khác xúi giục, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chỉ vì thấy anh ruột bị người khác đánh nên bị cáo bức xúc mới thực hiện hành vi phạm tội, mặt khác thương tích để lại trên người bị hại C yếu do Trịnh Minh H dùng dao gây ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, được hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân D tối cao, xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo C, buộc bị cáo pH chấp hành thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa P là đủ nghiêm.

[13] Về trách nhiệm D sự: Quá trình điều tra và trước khi mở phiên tòa, giữa gia đình các bị cáo, gia đình Trịnh Minh H và bị hại đã thỏa thuận bồi thường số tiền tổng cộng là 34.500.000đ. Tại phiên tòa, bị hại thừa nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về xử lý vật chứng: 01 cây búa (rìu) cán làm bằng sắt dài 48cm, lưỡi làm bằng sắt dài 15cm, bản rộng phần lưỡi dài 09cm, phần đầu vuông 05cm; 01 con dao cán làm bằng gỗ dài 19cm, lưỡi làm bằng sắt dài 33cm, bản rộng phần đầu lưỡi dài

05cm, phần lưỡi gần cán dài 03cm là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

[15] Về các vấn đề khác: Đối với Trịnh Minh H, sinh ngày 11/7/2003 là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại cùng với bị cáo C, tính đến thời điểm thực hiện hành vi thì H 15 tuổi 01 tháng 04 ngày; Bùi Đức T, sinh ngày 11/01/2003, là người giúp sức, tại thời điểm thực hiện hành vi thì T 15 tuổi 07 tháng 04 ngày. Như vậy, H và T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà H, T đã thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng Trịnh Minh H, Bùi Đức T.

[16] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[17] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự (đối với các bị cáo);

- Điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo D);

- Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân D tối cao (đối với bị cáo C);

- Điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thế C phạm tội: **"Cố ý gây thương tích".**

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 16/8/2018.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế C **01 (một) năm tù** nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thế C cho Ủy ban nhân D xã Phú B, huyện T, tỉnh Đ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo C cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo C pH chấp hành hình phạt tù của bản án này. (Hội đồng xét xử đã giải thích chế định án treo cho bị cáo C).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thế C mỗi bị cáo pH nộp **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án D sự, người pH thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, ông B, bà P, Luật sư T, anh S, anh H, bà H, anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông D, ông T, bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- CQ THA hình sự Công an huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo; người bị hại; người bào chữa;
- Đại diện hợp pháp của bị cáo C;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Đại diện hợp pháp của anh T, anh H;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – C TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tố